VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 171/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 16 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Đề án), với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Nâng cao chất lượng rừng phải phù hợp với điều kiện sinh thái và chức năng của từng loại rừng, tập trung nâng cao chất lượng đối với diện tích rừng tại các vùng bị suy thoái về đa dạng sinh học và thường xảy ra thiên tai.

- Thực hiện đồng bộ công tác quản lý, bảo vệ rừng và thực hiện các biện pháp lâm sinh để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, rừng trồng; phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng để bảo tồn đa dạng sinh học và tăng khả năng phòng hộ của rừng.

- Việc áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng không làm suy giảm đa dạng sinh học, suy giảm chức năng của rừng; tuân thủ các quy định pháp luật về lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư; lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình đầu tư công và các Chương trình, đề án khác theo từng giai đoạn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên nhằm phát huy tốt chức năng của từng loại rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, tăng cường trữ lượng các - bon của rừng và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổng diện tích rừng được nâng cao chất lượng là 240.000 ha, trong đó: rừng đặc dụng 36.000 ha; rừng phòng hộ 138.000 ha; rừng sản xuất là rừng tự nhiên 66.000 ha.

- Chất lượng rừng tự nhiên là rừng nghèo, rừng nghèo kiệt và rừng chưa có trữ lượng được cải thiện về trữ lượng rừng, đa dạng tổ thành loài cây và cấu trúc rừng đáp ứng yêu cầu về bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học và phòng chống thiên tai.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng rừng

- Rừng đặc dụng: thuộc rừng tự nhiên có trữ lượng nghèo, nghèo kiệt và rừng tự nhiên chưa có trữ lượng.

- Rừng phòng hộ đầu nguồn: thuộc rừng tự nhiên có trữ lượng nghèo, nghèo kiệt và rừng tự nhiên chưa có trữ lượng; rừng trồng chất lượng thấp.

- Rừng sản xuất là rừng tự nhiên có trữ lượng nghèo, nghèo kiệt và rừng tự nhiên chưa có trữ lượng.

2. Phạm vi

Đề án được triển khai, thực hiện trên phạm vi của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thuộc khu vực trung du và miền núi thường xảy ra thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, có diện tích rừng cần nâng cao chất lượng góp phần bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học và phòng, chống thiên tai thuộc 03 vùng kinh tế - xã hội, bao gồm: Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên. Khuyến khích các địa phương khác có điều kiện phù hợp thực hiện các nội dung của Đề án này.

Đối với việc nâng cao chất lượng rừng ven biển (bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) thì thực hiện theo Đề án Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2021.

3. Thời gian thực hiện: từ năm 2024 đến hết năm 2030

IV. NHIỆM VỤ

1. Rà soát hiện trạng, xác định cụ thể diện tích, vị trí, ranh giới đối tượng rừng cần nâng cao chất lượng rừng

Rà soát cụ thể hiện trạng, xác định cụ thể diện tích, vị trí, ranh giới đối tượng từng loại rừng cần nâng cao chất lượng đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, hiện trạng về trữ lượng, cấu trúc tổ thành loài cây, cấu trúc từng loại rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo chủ quản lý rừng theo hướng sau:

- Rừng đặc dụng: rừng tự nhiên có trữ lượng nghèo, nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng thuộc khu vực đại diện cho hệ sinh thái rừng tự nhiên đặc trưng còn diện tích ít, bị suy giảm về đa dạng sinh học.

- Rừng phòng hộ: rừng tự nhiên có trữ lượng nghèo, nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng, rừng trồng chất lượng thấp thuộc khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn; lưu vực của con sông, hồ lớn, đập thủy điện, thủy lợi; nơi có độ dốc lớn, nguy cơ sạt lở cao.

- Rừng sản xuất là rừng tự nhiên: rừng tự nhiên có trữ lượng nghèo, nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng; ưu tiên đối với khu vực có địa hình dốc, nguy cơ sạt lở cao, lưu vực của sông, hồ, đập thủy điện, thủy lợi.

2. Xây dựng dự án, phương án, kế hoạch nâng cao chất lượng rừng

Trên cơ sở rà soát, xác định cụ thể về hiện trạng, đối tượng, diện tích, loại rừng theo chủ quản lý rừng, xây dựng dự án, phương án, kế hoạch nâng cao chất lượng rừng; trong đó xác định cụ thể các biện pháp kỹ thuật lâm sinh như khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; làm giàu rừng và nuôi dưỡng rừng cho từng đối tượng rừng.

Lựa chọn loài cây trồng để nâng cao chất lượng rừng phù hợp với chức năng của từng loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) cho từng vùng sinh thái để bảo tồn hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và tăng khả năng phòng hộ của rừng. Ưu tiên lựa chọn các loài cây bản địa; loài cây đa tác dụng; loài có sức chống chịu ở những điều kiện lập địa khác nhau; loài quý, hiếm có giá trị kinh tế, bảo tồn cao.

3. Xây dựng mô hình điểm nâng cao chất lượng rừng cho từng vùng

Xây dựng các mô hình điểm nâng cao chất lượng rừng bằng nhiều loài cây bản địa có cấu trúc đa tầng, đa loài, nâng cao khả năng bảo tồn của hệ sinh thái rừng và chức năng phòng hộ của rừng trên điều kiện lập địa khó khăn, vùng đất dốc, vùng khô hạn, cho từng loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là

rừng tự nhiên) và theo từng vùng sinh thái để triển khai, thực hiện; trên cơ sở theo dõi, đánh giá kết quả sẽ tổng kết, tài liệu hóa và nhân rộng mô hình ra các vùng, khu vực khác trên phạm vi cả nước.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách có liên quan như: Luật Lâm nghiệp 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đến năm 2030.

- Nghiên cứu, đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách mới, nhằm triển khai, thực hiện nâng cao chất lượng rừng, trong đó cần lồng ghép với các cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai đối với các khu vực nguy cơ thiên tai xảy ra. Các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, xã hội hóa trong hoạt động nâng cao chất lượng rừng kết hợp phát triển kinh tế như sản xuất nông lâm kết hợp, phát triển lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu, du lịch sinh thái; chủ rừng, đặc biệt là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hưởng lợi phần lâm sản tăng thêm từ rừng từ hoạt động bảo vệ, phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng.

- Rà soát, nghiên cứu việc bổ sung cơ chế, chính sách tăng tính tự chủ của các ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, công ty lâm nghiệp đang quản lý rừng tự nhiên trong hoạt động đầu tư, khai thác các tiềm năng của rừng, nhưng vẫn đảm bảo bền vững hệ sinh thái rừng như thuê môi trường rừng để phát triển cây dược liệu; nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng; sản xuất nông, lâm kết hợp để tăng thu nhập, tái đầu tư vào công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, nâng cao chất lượng rừng.

- Phát triển các dịch vụ hệ sinh thái của rừng, như dịch vụ hấp thụ, lưu trữ các - bon của rừng để phát huy đa giá trị của hệ sinh thái rừng, tạo thu nhập cho người làm nghề rừng.

- Lồng ghép, thực hiện có hiệu quả Đề án với các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, các chương trình, đề án khác và kết hợp với nguồn xã hội hóa đáp ứng thực hiện các nhiệm vụ để nâng cao chất lượng rừng.

2. Về khoa học, công nghệ và kỹ thuật

- Tiếp tục nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng rừng, làm giàu rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, đặc biệt là có sức chống chịu cao với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt (chịu hạn, chịu lạnh, chống chịu gió bão,…) và sâu, bệnh hại để nâng cao chất lượng rừng phòng hộ.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học trong sản xuất cây giống phục vụ nâng cao chất lượng rừng bằng công nghệ cao, công nghệ nuôi cấy mô để đẩy mạnh việc sản xuất các loài cây bản địa có sức chống chịu cao, phù hợp với các vùng sinh thái. Tiếp tục rà soát, bổ sung một số loài cây trồng vào danh sách cây trồng lâm nghiệp chính để quản lý chất lượng giống, nâng cao chất lượng rừng trồng.

- Tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm, hoàn thiện và ban hành các biện pháp kỹ thuật lâm sinh như khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, làm giàu rừng, nuôi dưỡng rừng cho từng loại rừng và vùng sinh thái để áp dụng trong việc thực hiện nâng cao chất lượng rừng.

- Xây dựng, ban hành hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật; tiến bộ kỹ thuật; tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao chất lượng rừng để làm cơ sở triển khai nâng cao chất lượng rừng theo đúng quy định, đảm bảo khả thi và hiệu quả.

- Thí điểm các mô hình nâng cao chất lượng rừng bằng nhiều loài cây bản địa có cấu trúc đa tầng, đa loài, nâng cao khả năng phòng hộ của rừng; thâm canh nâng cao chất lượng của rừng trên điều kiện lập địa khó khăn, vùng đất dốc, vùng khô hạn, vùng ven biển.

- Luân canh loài cây trồng, kết hợp phát triển cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao để nâng cao thu nhập cho người dân, cải tạo môi trường đất và tăng khả năng tích nước của khu rừng.

- Nghiên cứu, đánh giá các mô hình sinh kế; các mô hình du lịch sinh thái, chăn nuôi, trồng cây dược liệu, nông lâm kết hợp dưới tán rừng phòng hộ, rừng sản xuất,… để nhân rộng, chuyển giao, cải thiện sinh kế cho người dân địa phương tham gia bảo vệ rừng.

- Tăng cường công tác chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học từ chọn tạo giống đến các biện pháp kỹ thuật lâm sinh vào thực tiễn sản xuất để nhân rộng mô hình nâng cao chất rừng và phòng, chống thiên tai.

3. Về quản lý, bảo vệ rừng bền vững

- Triển khai có hiệu quả Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch tỉnh sau khi các quy hoạch được ban hành; thực hiện nghiêm Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, nhất là việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang các mục đích khác như: xây dựng thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch.

- Đẩy nhanh việc đo đạc, xác định ranh giới, sớm hoàn thành việc cắm mốc giới lâm phận cho các chủ rừng trên bản đồ và ngoài thực địa, nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ và hiệu quả đối với rừng và đất lâm nghiệp; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ rừng; tăng cường đầu tư hệ thống các công trình bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, góp phần thúc đẩy hoạt động nâng cao chất lượng rừng đảm bảo hiệu quả.

- Quản lý rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, gắn bảo vệ, phát triển rừng với bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường rừng; toàn bộ diện tích rừng của các tổ chức quản lý rừng được xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững. Hướng dẫn các cộng đồng nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng thực hiện tốt công tác quản lý rừng cộng đồng và xây dựng quy chế, xác định rõ quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của các cộng đồng và các bên liên quan trong quá trình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý sử dụng rừng bền vững và các dịch vụ hệ sinh thái.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; trong đó tăng cường theo dõi sự biến động về diện tích, chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để có giải pháp phù hợp với từng vùng, khu vực; kiểm soát chặt chẽ tác động tiêu cực đối với hoạt động phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên nhằm tăng cường chức năng bảo tồn đa dạng sinh học và phòng, chống thiên tai của hệ sinh thái rừng theo quy định pháp luật.

- Phát huy tối đa các dịch vụ hệ sinh thái rừng theo hướng bền vững như dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng và các dịch vụ mới khác để tạo nguồn thu tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng. Thu hút người dân sống gần rừng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng gắn với chia sẻ lợi ích; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình.

4. Về huy động nguồn vốn

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn triển khai thực hiện Đề án, trong đó lồng ghép thực hiện với Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đến năm 2030 và các cơ chế, chính sách mới.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Dự án ODA đã và đang thực hiện của các nhà tài trợ quốc tế; đồng thời tiếp tục huy động, kêu gọi tài trợ, hợp tác quốc tế trong bảo vệ và phát triển rừng và nâng cao chất lượng rừng, bảo đảm theo đúng quy định.

- Tăng cường huy động vốn ngân sách địa phương, vốn từ xã hội hóa, vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp theo cơ chế đối tác công tư (PPP) bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao chất lượng rừng.

5. Về tuyên truyền, nâng cao năng lực, nhận thức

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò của hệ sinh thái rừng trong bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp giá trị phục vụ kinh tế, xã hội, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Tiếp tục xây dựng các tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao chất lượng rừng đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Thường xuyên mở các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về vai trò hệ sinh thái rừng trong thích ứng với biến đổi khí hậu cho các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng dân cư.

- Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, chủ rừng và toàn xã hội trong việc bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phòng, chống thiên tai. Tiếp tục tuyên truyền vận động người dân thực hiện tốt và chấp hành pháp luật trong quản lý bảo vệ rừng.

- Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cho ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng nhằm thực thi hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường đối với rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động như: vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh, nông lâm ngư kết hợp.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG ƯU TIÊN

Xây dựng dự án hỗ trợ, thực hiện Đề án, trong đó ưu tiên các hoạt động:

1. Rà soát, xác định diện tích, đối tượng từng loại rừng theo chủ quản lý rừng để triển khai, thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, bao gồm: khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; làm giàu rừng; nuôi dưỡng rừng và xác định loài cây trồng phù hợp để nâng cao chất lượng rừng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng và thực tiễn tại địa phương.

2. Xây dựng mô hình điểm nâng cao chất lượng rừng đối với từng loại rừng (đặc dụng, phòng hộ và rừng sản xuất), đại diện cho từng vùng thuộc phạm vi Đề án, trong đó áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh như: khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; làm giàu rừng; nuôi dưỡng rừng để theo dõi, đánh giá, tổng kết làm cơ sở nhân rộng tại các địa phương và hoàn thiện chính sách.

3. Đề xuất, lựa chọn các đề tài, nhiệm vụ khoa học nghiên cứu về phục hồi, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, tăng cường trữ lượng các - bon của rừng; trên cơ sở kết quả thực hiện xây dựng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp với từng đối tượng rừng; nghiên cứu chuyển hóa rừng đơn loài thành rừng hỗn giao, đa tầng tán...

VII. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác; Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành;

2. Nguồn xã hội hóa; nguồn vốn tự có, huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực Đề án, chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương đề xuất, xây dựng cơ chế, chính sách, quy định nhằm nâng cao chất lượng rừng;

- Ban hành các văn bản hướng dẫn kỹ thuật nâng cao chất lượng rừng;

- Xây dựng dự án ưu tiên hỗ trợ thực hiện Đề án và triển khai, thực hiện đảm bảo hiệu quả;

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Đề án; đầu mối tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối vốn đầu tư phát triển để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định liên quan;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, đề xuất việc đưa các dự án bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao chất lượng rừng vào danh mục ưu tiên được sử dụng vốn tài trợ, vốn vay quốc tế;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

c) Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định liên quan;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương: đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ rừng; rà soát ranh giới, xử lý các trường hợp chồng lấn diện tích đất đai để bảo đảm sử dụng đất ổn định, lâu dài, đúng mục đích;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

đ) Các bộ, ngành khác có liên quan: trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương tổ chức thực hiện Đề án.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi Đề án

- Chỉ đạo rà soát, xác định cụ thể: khu vực, loại rừng, diện tích rừng, đối tượng rừng, trạng thái rừng phân theo chủ rừng cần nâng cao chất lượng và xây dựng dự án/phương án hoặc kế hoạch nâng cao chất lượng rừng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

- Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao chất lượng rừng theo các nguồn vốn theo quy định;

- Tổ chức giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật, rà soát diện tích rừng chưa giao, hiện do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, để giao cho chủ rừng quản lý theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp trong xã hội về vai trò, chức năng của hệ sinh thái rừng; vận động nhân dân và các thành phần kinh tế tích cực tham gia bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;

- Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Đề án giao cho các địa phương từ nguồn ngân sách địa phương và các Chương trình, Đề án khác theo quy định;

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương; báo cáo kết quả định kỳ (hàng năm, giai đoạn 3 - 5 năm) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án trên địa bàn, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi của Đề án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Lưu Quang

Phụ lục

DỰ KIẾN DIỆN TÍCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG RỪNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 171/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

TT	Vùng	Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
1	Trung du và miền núi phía Bắc	94.000	9.000	71.000	14.000
2	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	115.500	22.500	59.000	34.000
3	Tây Nguyên	30.500	4.500	8.000	18.000
	Tổng	**240.000**	**36.000**	**138.000**	**66.000**